TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 93/2023/DS-PT Ngày 02-6-2023 V/v tranh chấp chia thừa kế	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ

Ông Trần Nam Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30-5-2023, ngày 02-6-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLPT-DS ngày 31-01-2023 về việc tranh chấp chia thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 07-11-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2023/QĐ-PT ngày 17-4-2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nhan Kim C. Địa chỉ: ấp Đ, xã TQ, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: số 362, đường LHP, Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nhan Kim T. Địa chỉ: số 362, đường LHP, Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Khánh T1. Địa chỉ: số 05, đường PL, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nhan Văn L. Địa chỉ: số 360, đường LHP, Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Ông Nhan Văn T2. Địa chỉ: số 364, đường LHP, Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Bà Nhan Thị Kim P. Địa chỉ: ấp Đ, xã TQ, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Bà Trần Quỳnh C1. Địa chỉ: số 414/36/16, đường NVL, Khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

5. Bà Nhan Trần Quỳnh N, sinh năm 2003. Địa chỉ: số 414/36/16, đường NVL, Khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

6. Ông Nhan Thanh P1. Địa chỉ: số 362, đường LHP, Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

7. Ông Nhan Thanh N1. Địa chỉ: số 362, đường LHP, Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

8. Ông Lê Thanh T3. Địa chỉ: số 639/41, đường LHP, Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

9. Bà Châu Thúy H. Địa chỉ: số 639/41, đường LHP, Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nhan Kim C là nguyên đơn; ông Nhan Văn T2, ông Nhan Thanh N1, bà Nhan Thị Kim P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26-12-2019 và trình bày của bà Nhan Kim C trong quá trình giải quyết vụ án:

Cha mẹ của bà Nhan Kim C là cụ ông Nhan Văn T4 (sinh năm 1928, chết năm 1993) và cụ bà Võ Thị L2 (sinh năm 1935, chết ngày 15-3-2014). Trong quá trình chung sống, hai cụ không có con nuôi, con riêng và có 08 người con chung gồm ông Nhan Văn L, ông Nhan Văn T2, bà Nhan Thị Kim P, bà Nhan Kim C, ông Nhan Thanh T5 (đã chết năm 2004), ông Nhan Thanh P1, ông Nhan Thanh N1, bà Nhan Kim T.

Khi còn sống, hai cụ tạo lập được quyền sử dụng đất có diện tích 2.016,9m^2 tại thửa đất số 78 và 3.683,5m^2 tại thửa đất số 34, cùng tờ bản đồ số 56, loại đất lúa, tọa lạc tại Khóm 5, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Do cụ T4chết trước nên anh chị em trong gia đình đồng ý cho cụ L2 đứng tên hai quyền sử dụng đất này và đã được Ủy ban nhân dân thành phố S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18-01-2011. Đến ngày 15-3-2014 thì cụ L2 chết và để lại toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nhan Kim T quản lý. Bà C không biết lý do tại sao mà bà T lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tự ý chuyển nhượng thửa đất số 78, diện tích 2.016,9m^2 cho vợ chồng ông Lê Thanh T3, bà Châu Thúy H.

Bà Nhan Kim C cho rằng cụ Nhan Văn T4 và cụ bà Võ Thị L2 khi chết không để lại di chúc nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với hai quyền

sử dụng đất nêu trên cho 08 anh chị em, mỗi người được nhận một kỷ phần tương đương số tiền khoảng 57.000.000 đồng hoặc nhận diện tích đất tương ứng.

- Theo trình bày của bà Nhan Kim T tại văn bản ngày 28-12-2020 và ý kiến của ông Nguyễn Khánh T1 trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà Nhan Kim T thống nhất với ý kiến của bà Nhan Kim C trình bày về cha mẹ, về hàng và diện thừa kế. Nhưng cho rằng hai thửa đất số 78, 34 là của cụ Võ Thị L2, khi còn sống cụ L2 đã lập hai Hợp đồng để tặng cho hai thửa đất này cho bà T và được Văn phòng Công chứng KH công chứng số 479, số 480 vào ngày 14-3-2014. Sau khi được tặng cho, bà T đã làm thủ tục chỉnh lý, sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai thửa đất này không phải là di sản thừa kế.

Riêng thửa đất số 78, diện tích 2.016,9m^2 đã được bà T chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê Thanh T3, bà Châu Thúy H vào năm 2017 với số tiền 240.000.000 đồng. Bà T đã giao đất và ông T3, bà H đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn thửa đất số 34, diện tích 3.683,5m^2 thì bà Nhan Kim C đang quản lý, sử dụng.

Bà Nhan Kim T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nhan Kim C do không có căn cứ pháp luật.

- Ông Nhan Văn L, ông Nhan Văn T2, bà Nhan Thị Kim P, ông Nhan Thanh N1, bà Trần Quỳnh C1 cùng trình bày:

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nhan Kim C và đồng ý nhận kỷ phần thừa kế theo quyết định của Tòa án.

- Ông Nhan Thanh P1 trình bày:

Ông Nhan Thanh P1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C. Vì lúc còn sống, cụ Võ Thị L2 đã tặng cho hai thửa đất trên cho bà Nhan Kim T. Khi lập hợp đồng cho tặng thì cụ L2 hoàn toàn minh mẫn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nhan Kim C thì ông P1 đồng ý nhận kỷ phần thừa kế trị giá bằng tiền.

- Theo trình bày của ông Lê Thanh T3, bà Châu Thúy H tại văn bản ngày 15-12-2020:

Vào tháng 10-2017, bà Nhan Kim T có chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà quyền sử dụng đất có diện tích 2.016,9m^2 tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 56, tọa lạc tại Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng với số tiền 240.000.000 đồng. Hai bên đã lập các thủ tục chuyển nhượng theo đúng quy định pháp luật và ông T3, bà H đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21-11-2017. Sau khi nhận chuyển nhượng, Ông Bà đã san lấp mặt bằng, trồng cây và quản lý, sử dụng cho đến nay. Ông T3, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên của bà T là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

- Bà Nhan Trần Quỳnh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 07-11-2022, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

"Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các Điều 457, 459, 500, 501, 502, 503, 609, 612, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 100, 167, 179 Luật đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nhan Kim C đối với bị đơn bà Nhan Kim T; Về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất có diện tích 3.683,5m^2 tại thửa 34, tờ bản đồ số 56, tọa lạc tại Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, loại đất lúa do bà Nhan Kim T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất có diện tích 2.016,9m^2 tại thửa số 78, tờ bản đồ số 56, tọa lạc tại Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, loại đất lúa do ông Lê Thanh T3, bà Châu Thúy H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất."

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Vào cùng ngày 17-11-2022, bản án trên đã bị kháng cáo như sau:

+ Bà Nhan Kim C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C.

+ Ông Nhan Văn T2, ông Nhan Thanh N1, bà Nhan Thị Kim P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nhan Kim C.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nhan Kim C không rút lại đơn khởi kiện; bà C và ông Nhan Văn T2, ông Nhan Thanh N1, bà Nhan Thị Kim P không rút đơn kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để hủy bản án sơ

thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm do vào thời điểm cụ Võ Thị L2 lập hợp đồng tặng cho hai thửa đất tranh chấp cho bà Nhan Kim T thì cụ L2 không còn minh mẫn, sáng suốt nên cần làm rõ hiệu lực của hai hợp đồng tặng cho này và đưa Văn phòng Công chứng KH (nay là Văn phòng công chứng TV) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bà Nhan Kim C, ông Nhan Văn T2, ông Nhan Thanh N1, bà Nhan Thị Kim P phù hợp quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Nhan Văn L, ông Lê Thanh T3, bà Châu Thúy H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Trần Quỳnh C1, bà Nhan Trần Quỳnh N vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện ông Nhan Thanh T5 chết năm 2004, có vợ là bà Trần Quỳnh C1 và ông T5, bà C có một người con chung là bà Nhan Trần Quỳnh N. Đến ngày 30-01-2020, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng mới thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà Nhan Kim C nhưng lại xác định ông T5 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bà C, bà N là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T5 là không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68, khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, cấp phúc thẩm xác định lại tư cách tham gia tố tụng cho phù hợp, theo đó chỉ có bà Trần Quỳnh C1 và bà Nhan Trần Quỳnh N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thừa nhận của các đương sự, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết sau đây là sự thật:

[4.1] Vợ chồng cụ ông Nhan Văn T4 (sinh năm 1928, chết ngày 25-5-1993) và cụ bà Võ Thị L2 (sinh năm 1935, chết ngày 15-3-2014) có tất cả 08 người con chung gồm ông Nhan Văn L, ông Nhan Văn T2, bà Nhan Thị Kim P, bà Nhan Kim C, ông Nhan Thanh T5 (chết năm 2004, có vợ là bà Trần Quỳnh C1; ông T5, bà C có một con chung là bà Nhan Trần Quỳnh N), ông Nhan Thanh P1, ông Nhan Thanh N1, bà Nhan Kim T. Cụ T4 và cụ L2 đều không có con nuôi hoặc con riêng.

[4.2] Khi còn sống, cụ T4 và cụ L2 tạo lập được quyền sử dụng thửa đất số 78, diện tích 2.016,9m^2 và thửa đất số 34, diện tích 3.683,5m^2 cùng thuộc tờ bản đồ số 56, loại đất lúa, tọa lạc tại Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi cụ T4 chết, cụ L2 cùng các con lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế với nội dung cho cụ L2 được quyền sử dụng toàn bộ hai tài sản

này. Cùng ngày 18-01-2011, cụ Võ Thị L2 được Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 279565 đối với thửa đất số 34, diện tích 3.683,5m^2 và số BD 279564 đối với thửa đất số 78, diện tích 2.016,9m^2.

[4.3] Đến ngày 14-3-2014, cụ L2 lập hợp đồng tặng cho hai thửa đất trên cho bà Nhan Kim T, hợp đồng đều được Văn phòng Công chứng KH (nay là Văn phòng công chứng TV) chứng nhận số 479, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD (đối với thửa đất số 34, diện tích 3.683,5m^2) và chứng nhận số 480, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD (đối với thửa đất số 78, diện tích 2.016,9m^2). Vào ngày 08-4-2014, bà T được xác nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất này. Đến ngày 18-10-2017, bà T lập hợp đồng chuyển nhượng hết thửa đất số 78 cho vợ chồng ông Lê Thanh T3, bà Châu Thúy H và ông T3, bà H được Ủy ban nhân dân thành phố S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 412628, số vào sổ CS 00934 ngày 21-11-2017.

[5] Xét kháng cáo của bà Nhan Kim C, ông Nhan Văn T2, ông Nhan Thanh N1, bà Nhan Thị Kim P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1] Theo Văn bản số 575/BV-PNT ngày 05-4-2023 và hồ sơ bệnh án của cụ Võ Thị L2 do Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thể hiện cụ L2 đã nhập viện điều trị nội trú tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch vào lúc 8 giờ 50 phút ngày 14-02-2014 và xuất viện vào lúc 10 giờ ngày 12-3-2014 trong tình trạng bệnh tỉnh, tiếp xúc chậm, sinh hiệu ổn, mở mắt tự nhiên, ăn uống qua ống thông mũi - dạ dày với chẩn đoán "Lao phổi đang trị tháng thứ 1 – Viêm gan do thuốc/Viêm khớp dạng thấp – Sa sút trí tuệ".

[5.2] Theo kết quả cung cấp tài liệu, chứng cứ của Bệnh viện 30 tháng 4 Sóc Trăng tại Văn bản số 138/CV-BV ngày 09-5-2023 thì cụ L2 nhập viện điều trị nội trú lần 1 từ ngày 05-01-2014 đến ngày 13-02-2014 thì chuyển tuyến lên Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều trị. Đến 15 giờ 10 phút, ngày 15/3/2014 cụ L2 nhập viện lần 2 với tình trạng bệnh mê, thở ngáp, mạch không bắt được, huyết áp không đo được, SpO2 không đo được, bệnh nhân không tự thở được, tim mờ khó nghe, bụng mềm, gan, lách sờ không chạm; đến 15 giờ 52 phút cùng ngày thì người nhà xin đưa cụ L2 về, tiên lượng rất nặng, tử vong.

[5.3] Tại Giấy chứng tử số 43/2014, quyển số 01 ngày 24-3-2014 của Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thể hiện cụ L2 chết lúc 15 giờ 30 phút, ngày 15-3-2014. Đồng thời, tại Văn bản số 05/HSCC ngày 13-4-2023, Văn phòng Công chứng KH (nay là Văn phòng công chứng TV) cho biết cụ Võ Thị L2 bị bệnh không đi được nên lăn tay trên hợp đồng tặng cho, phiếu yêu cầu công chứng.

[5.4] Các tình tiết trên cho thấy ngay trước, trong và sau ngày 14-3-2014, là ngày cụ L2 lập hai hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nhan Kim T, thì cụ L2 đã sa sút trí tuệ, sức khỏe rất yếu, khi tham gia giao dịch có thể không đủ điều kiện về năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện. Hơn nữa, trong

tình trạng sức khỏe này, thay vì cụ L2 phải được gia đình và người thân chăm sóc, chữa trị thì lại cùng một số người con thực hiện thủ tục chuyển quyền về tài sản là cũng không phù hợp về mặt đạo đức theo quy định tại khoản 1 Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Đồng thời, tại khoản 4 Điều 35 Luật Công chứng năm 2006 quy định trường hợp có sự nghi ngờ về năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng thì công chứng viên đề nghị người yêu cầu công chứng làm rõ hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, công chứng viên tiến hành xác minh hoặc yêu cầu giám định; trường hợp không làm rõ được thì có quyền từ chối công chứng. Tuy nhiên, khi công chứng hai hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên, công chứng viên Văn phòng Công chứng KH (nay là Văn phòng công chứng TV) đã không xác minh, làm rõ năng lực hành vi dân sự của cụ L2 mà vẫn tiến hành công chứng là không đúng. Đồng thời, hồ sơ vụ án thể hiện vào năm 2010, cụ Võ Thị L2 có ký, ghi họ tên khi làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất số 78, diện tích 2.016,9m^2 và số 34, diện tích 3.683,5m^2 nhưng trong hai hợp đồng tặng cho các thửa đất này cho bà T thì cụ L2 lại điểm chỉ mà không có người làm chứng là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 41 Luật Công chứng năm 2006.

[7] Theo đơn khởi kiện của bà Nhan Kim C thì cụ Võ Thị L2 chết để lại toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nhan Kim T quản lý, nhưng không rõ tại sao bà T lại được cấp giấy chứng nhận đối với hai thửa đất của cụ Liên. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C cho rằng ngày trước khi cụ L2 chết (ngày 14-3-2014) thì bà T đã gian dối khi làm thủ tục cho tặng hai quyền sử dụng đất từ cụ L2 sang bà T. Án sơ thẩm nhận định việc cụ L2 tặng cho quyền sử dụng đất cho bà T được lập thành hợp đồng có công chứng, bà T đã đăng ký sang tên đất và bà C không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc tặng cho này là không hợp pháp, từ đó xác định hai thửa đất tranh chấp không còn là di sản thừa kế của cụ L2 mà không xem xét đến hiệu lực của các hợp đồng tặng cho này là đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ.

[8] Từ các tình tiết mới phát sinh ở giai đoạn phúc thẩm nêu trên, cần phải làm rõ hiệu lực của hai hợp đồng tặng cho đất giữa cụ L2 và bà T, nhưng do các tài liệu, chứng cứ này chưa được cấp sơ thẩm làm rõ và không thể bổ sung được tại phiên tòa phúc thẩm nên cần hủy án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi trong việc hủy án.

[9] Khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cần đưa Văn phòng Công chứng KH (nay là Văn phòng công chứng TV) vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xem xét hiệu lực của hai hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã ký kết giữa cụ Võ Thị L2 và bà Nhan Kim T. Trường hợp việc tặng cho không đủ điều kiện có hiệu lực thì cần xử lý các hậu quả pháp lý đã phát sinh, trong đó có thửa đất số 78, diện tích 2.016,9m^2 đã được bà T chuyển nhượng cho ông Lê Thanh T3, bà Châu Thúy H theo quy định tại Điều 137, Điều 138 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[10] Do án sơ thẩm bị hủy để giải quyết lại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét nội dung kháng cáo của bà Nhan Kim C, ông Nhan Văn T2, ông Nhan Thanh N1, bà Nhan Thị Kim P. Yêu cầu khởi kiện của bà C sẽ được xem xét khi vụ án được thụ lý, giải quyết lại.

[11] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng giải quyết lại vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[12] Về án phí và chi phí khác:

[12.1] Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

[12.2] Bà Nhan Kim C, ông Nhan Văn T2, ông Nhan Thanh N1, bà Nhan Thị Kim P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 07-11-2022 và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí và chi phí khác:

Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được xem xét xử lý khi vụ án được giải quyết lại.

Bà Nhan Kim C, ông Nhan Văn T2, ông Nhan Thanh N1, bà Nhan Thị Kim P không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại cho mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo bốn biên lai số 0000881, số 0000879, số 0000880, số 0000882 cùng ngày 01-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Lưu hsva, Tòa DS, Phòng KTNV&THA, Phòng TBCB-TT&TĐKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Khương